

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nghiệm thu Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử”, gồm 64 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Huyết học- Truyền máu- Miễn dịch- Di truyền- Sinh học phân tử phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

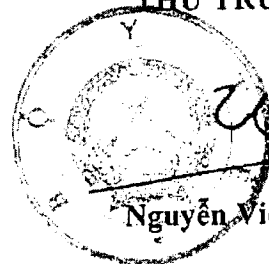
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục KCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến

DANH SÁCH 64 HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT HUYẾT HỌC-
TRUYỀN MÁU-MIỄN DỊCH-DI TRUYỀN-SINH HỌC PHÂN TỬ(Ban hành kèm theo Quyết định số 3336 /QĐ-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
CHƯƠNG I. HUYẾT HỌC TẾ BÀO	
1.	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser
2.	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn có nhuộm tiêu bản tự động
3.	Huyết đồ bằng hệ thống tự động hoàn toàn
4.	Huyết đồ bằng máy đếm laser
5.	Thủ thuật chọc hút dịch tủy xương làm tủy đồ sử dụng máy khoan cầm tay
6.	Thủ thuật sinh thiết tủy xương sử dụng máy khoan cầm tay
7.	Thủ thuật sinh thiết tủy xương sử dụng kim sinh thiết dùng một lần
8.	Xét nghiệm mô bệnh học tủy xương
9.	Xét nghiệm sức bền hồng cầu (Of test)
10.	Xét nghiệm sàng lọc huyết sắc tố E (DCIP-Dichlorophenol Indophenol)
11.	Xét nghiệm nhuộm photphatase kiềm bạch cầu
12.	Xét nghiệm và chẩn đoán hóa mô miễn dịch tủy xương cho một dấu ấn (Marker) trên máy nhuộm tự động
CHƯƠNG II. ĐÔNG CÀM MÁU	
13.	Đo độ đàn hồi cục máu (ROTEM)
14.	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh
15.	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh
16.	Định lượng kháng thể kháng Beta2 Glycoprotein I ($\alpha\beta$ 2GPI) IgG-IgM bằng kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
17.	Định lượng kháng thể kháng Cardiolipin IgG-IgM bằng kỹ thuật hóa miễn dịch phát quang
18.	Định lượng kháng nguyên yếu tố XIII
CHƯƠNG III. MIỄN DỊCH- DI TRUYỀN- SINH HỌC PHÂN TỬ	
19.	ANA 17 profile test (sàng lọc và định danh đồng thời 17 typ kháng thể kháng nhân bằng sắc ký miễn dịch)
20.	Định lượng IL 2R (hay CD 25 hòa tan) trong huyết thanh bằng kỹ thuật miễn dịch gắn men (ELISA)
21.	Xét nghiệm kháng thể kháng tiểu cầu trực tiếp và gián tiếp bằng kỹ thuật Flow

	Cytometry
22.	Phân tích dấu ấn/CD/marker miễn dịch máu ngoại vi, hoặc dịch khác bằng kỹ thuật flow cytometry (làm cho 1 dấu ấn/CD/ marker)
23.	Phân tích dấu ấn/CD/marker miễn dịch tủy xương bằng kỹ thuật flow cytometry (làm cho 1 dấu ấn/CD/ marker)
24.	Xét nghiệm kháng thể kháng Dengue IgG và IgM (phương pháp thấm miễn dịch)
25.	Xét nghiệm xác định đột biến Thalassemia (Phát hiện đồng thời 21 đột biến α -thalassemia hoặc 22 đột biến β -thalassemia)
26.	Xác định gen bệnh máu bằng kỹ thuật cIg FISH
27.	Xét nghiệm giải trình tự gen trên hệ thống Miseq
28.	Xét nghiệm gen bằng kỹ thuật FISH với tiêu bản Parafin
29.	Xét nghiệm virus Zika bằng kỹ thuật PCR
CHƯƠNG IV. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU	
30.	Xác định kháng nguyên Mi^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật ống nghiệm);
31.	Xác định kháng nguyên Mi^a của hệ nhóm máu MNS (Kỹ thuật Scangel/Gelcard);
32.	Xác định kháng nguyên H của hệ nhóm máu H (Kỹ thuật ống nghiệm);
33.	Xác định kháng nguyên H của hệ nhóm máu H (Kỹ thuật Scangel/Gelcard);
34.	Xác định nhóm máu A1 của hệ nhóm máu ABO (Kỹ thuật ống nghiệm);
35.	Xác định nhóm máu A1 của hệ nhóm máu ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard);
36.	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22 ^o C, 37 ^o C, kháng globulin người) bằng kỹ thuật ống nghiệm);
37.	Xét nghiệm lựa chọn đơn vị máu phù hợp (10 đơn vị máu trong 3 điều kiện 22 ^o C, 37 ^o C, kháng globulin người) bằng kỹ thuật Scangel/Gelcard;
38.	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm);
39.	Phản ứng hòa hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động);
40.	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)
41.	Phản ứng hòa hợp tiểu cầu (Kỹ thuật pha rắn)
42.	Xác định kháng nguyên nhóm máu (Kỹ thuật sinh học phân tử)
CHƯƠNG V. CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC	
43.	Xử lý tế bào gốc bằng máy tự động
44.	Xử lý tế bào gốc bằng phương pháp thủ công
45.	Đông lạnh khối tế bào gốc bằng hệ thống hạ nhiệt độ
46.	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng máy tự động
47.	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng phương pháp thủ công
48.	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm tế bào dòng chảy
49.	Định danh kháng thể Anti- HLA bằng kỹ thuật ELISA
50.	Định danh kháng thể Anti-HLA bằng kỹ thuật luminex
CHƯƠNG VI. SINH HÓA HUYẾT HỌC	
51.	Định lượng free kappa Huyết thanh

52.	Định lượng free Lambda Huyết thanh
53.	Định lượng Transferin Receptor hòa tan
54.	Độ bão hòa Transferin
55.	Định lượng sắt chưa bão hòa huyết thanh
56.	Đo khả năng gắn sắt toàn thể
57.	Định lượng vitamin B12 hoạt tính
58.	Định lượng Thymidine Kinase (TK)
59.	Định lượng IgA Kappa
60.	Định lượng IgA Lambda
61.	Định lượng IgG Kappa
62.	Định lượng IgG Lambda
63.	Định lượng IgM Kappa
64.	Định lượng IgM Lambda

KT. BỘ TRƯỞNG *Nhà*
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Tiên